

# **BÌNH ĐƠN THUỐC NGÀY 20/02/2025**

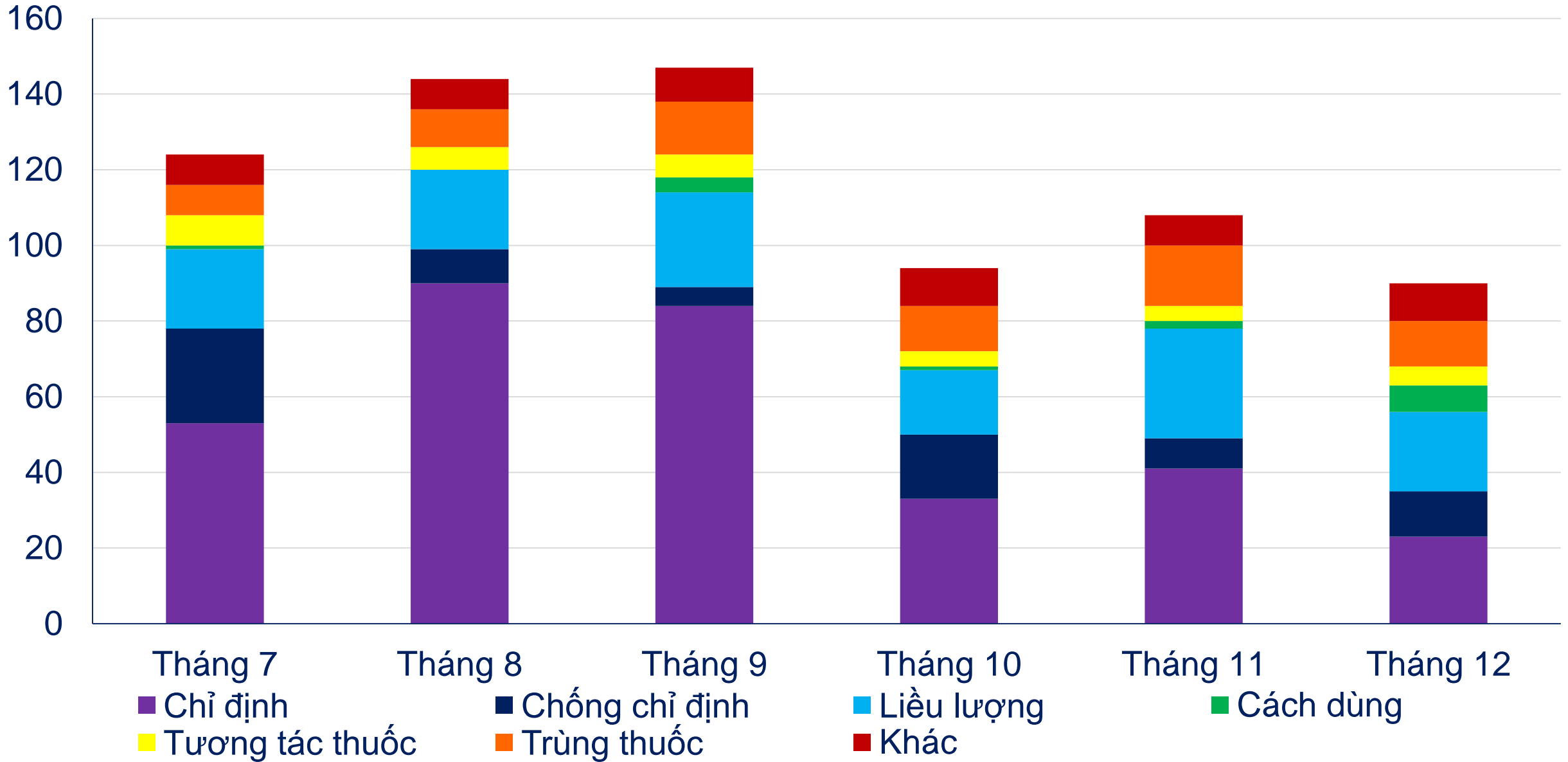
Khoa Dược – Bệnh viện quận Tân Phú  
DS. Trần Đình Tuấn Dũng

# Nội dung

1. Một số can thiệp dược lâm sàng trong kê đơn ngoại trú
2. Phân tích sử dụng thuốc ca lâm sàng nội trú

**1. Một số can thiệp được lâm sàng trong kê đơn ngoại trú**

# Vấn đề can thiệp đơn thuốc ngoại trú 6 tháng cuối năm 2024



CD Clarithromycin  
cho viêm bàng  
quang?

❖ Mã số BN: 17344224

Tuổi: 59

❖ Khoa: Khám Bệnh

Ngày khám bệnh: 03/12/2024

❖ Chẩn đoán: ĐTĐ tít 2, GERD, Tăng lipid máu hỗn hợp, THA, Viêm bàng quang, Di chứng nhồi máu não

STT	Tên thuốc	ĐVT	Liều dùng – Cách dùng	Số lượng
1	<b>Clarithromycin Stella 500mg</b> (Clarithromycin)	Viên	Uống 1 viên x 2 lần/ngày, sau ăn	14
2	<b>Pyfaclor 500mg</b> (Cefaclor)	Viên	Uống 1 viên x 2 lần/ngày, sau ăn	12
3	<b>Axitan 40mg</b> (Pantoprazol)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng trước ăn 30 phút	14
4	<b>Mixtard 30</b> (Insulin trộn 30/70 100IU/ml)	Lọ	TDD trước ăn sáng 25UI, chiều 25UI	02
5	<b>Rotinvast 20mg</b> (Rosuvastatin)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, chiều sau ăn	28
6	<b>Coversyl 5mg</b> (Perindopril)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng	28
7	<b>Vixcar 75mg</b> (Clopidogrel)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng trước ăn	28

- ❖ **Mã số BN:** 24244768      **Tuổi:** 39 tháng
- ❖ **Khoa:** Nhi      **Ngày khám bệnh:** 02/12/2024
- ❖ **Chẩn đoán:** Viêm họng cấp, theo dõi SXH D ngày 3, Ngứa

- ❖ **Mã số BN:** 17236492      **Tuổi:** 07
- ❖ **Khoa:** Tai Mũi Họng      **Ngày khám bệnh:** 11/12/2024
- ❖ **Chẩn đoán:** Nhiễm trùng đường hô hấp trên, VMDU, Viêm tai ngoài 2 bên, Nút ráy tai 2 bên

ST T	Tên thuốc	ĐVT	Liều dùng – Cách dùng	Số lượng
1	<b>Midantin 875/125mg</b> (Amoxicillin + Acid clavulanic)	Viên	Uống 1 viên x 3 lần/ngày	15
2	<b>Hapacol 150mg</b> (Paracetamol)	Gói	Uống 1 gói khi sốt > 38°C, cách ≥ 4 giờ	10
3	<b>Clorpheniramin 4mg</b> (Clorpheniramin)	Viên	Uống ½ viên x 2 lần/ngày	05

ST T	Tên thuốc	ĐVT	Liều dùng – Cách dùng	Số lượng
1	<b>Midantin 875/125mg</b> (Amoxicillin + Acid clavulanic)	Viên	Uống 2 viên x 2 lần/ngày	20
2	<b>Para-OPC 250mg</b> (Paracetamol)	Gói	Uống 1 gói x 2 lần/ngày	10
3	<b>Sosallergy syrup 2,5mg/5ml</b> (Desloratadin)	Ống	Uống 1 ống x 1 lần/ngày, tối	05
4	<b>Thuốc ho trẻ em OPC</b>	Chai	Uống 7ml x 2 lần/ngày	01

Amoxicillin/Acid clavulanic 875/125mg liều 3-4 viên/ngày không phù hợp trẻ em

Nhằm lẫn Midantin 875/125mg với Midagentin 250/31,25mg (Amoxicillin/Acid clavulanic) ?

Nhằm lần Oresol 245 (có chứa Natri clorid) với Natri clorid 0,9% (chai 5ml)?

❖ Mã số BN: 20223363

Tuổi: 60

❖ Khoa: Mắt

Ngày khám bệnh: 01/11/2024

❖ Chẩn đoán: 2m Đục thể thủy tinh vùng nhân ở người già, khô mắt

STT	Tên thuốc	ĐVT	Liều dùng – Cách dùng	Số lượng
1	<b>Syseye</b> (Hydroxypropylmethylcellulose 0,3%)	Lọ	Nhỏ mắt 1 giọt x 5 lần/ngày	01
2	<b>Kary Uni</b> (Pirenixin 0,25mg)	Lọ	Nhỏ mắt 1 giọt x 3 lần/ngày	01
3	<b>Oresol 245</b> (Natri clorid + Kali clorid + Natri citrat + Glucose)	Gói	RỬA MẮT	01

# Chống chỉ định thuốc



Mã số BN	Tuổi	Khoa	Ngày khám	Chẩn đoán	Thuốc	Chống chỉ định
15165469	65	Khám Bệnh	05/12/2024	THA, BTTMCBM, RLLM, Dẫn TM chi dưới, Viêm khớp	Celecoxib 200mg	Celecoxib CCD bệnh tim thiếu máu cục bộ
17023212	62	Khám Bệnh	16/01/2025	ĐTĐ 2, BTTMCBM, RLLM, RL dạng cơ thể, THA, RLCN thần kinh cơ bàng quang, Thoái hóa CSTL, Thoái hóa khớp gối, Tăng sản TLT	Erxib (Etoricoxib 90mg)	Erxib (Etoricoxib 90mg) CCD bệnh tim thiếu máu cục bộ
12034016	71	Khám Bệnh	17/12/2024	THA, RLLM, Dẫn TM chi dưới, NMCT cũ, ĐTĐ 2, Hen	Clopirin 75/75 (Clopidogrel + Aspirin)	Clopirin 75/75 CCD BN hen
10006466	70	Khám Bệnh	05/12/2024	THA, GERD, RLLM, Dẫn TM chi dưới, Thoái hóa khớp gối, Viêm khớp	Artreil (Diacerein 50mg)	Diacerein CCD BN ≥ 65 tuổi
23287391	23 tháng	Nhi	17/12/2024	Hen cơn tb bội nhiễm/Hen bậc 3	Thuốc ho trẻ em OPC	Thuốc ho trẻ em OPC CCD bé < 30 tháng tuổi
14088098	64	Khám Bệnh	19/12/2024	ĐTĐ 2, Parkinson, THA, RLLM, Cơ ĐTN ổn định, Loãng xương	Vaspycar MR (Trimetazidin 35mg)	Trimetazidin CCD BN Parkinson
16179637	67	Khám Bệnh	31/12/2024	ĐTĐ 2, Parkinson, BTTMCBM, THA, Sỏi thận	Kim Tiền Thảo – Medi (Kim tiền thảo 300mg)	Kim Tiền Thảo – Medi CCD BN ĐTĐ
18173415	70	Khám Bệnh	13/01/2025	ĐTĐ 2, GERD, VDD-TT, BTTMCBM, RLLM, THA, Thiếu máu do thiếu sắt	Hemafolic (Sắt 100mg + Acid folic 1mg)	Hemafolic CCD BN ĐTĐ



- ❖ Mã số BN: 15116017 Tuổi: 62
- ❖ Khoa: Khám Bệnh Ngày khám bệnh: 07/01/2025
- ❖ Chẩn đoán: THA, BTTMCBM, Tăng lipid máu hh, Dẫn TM chi dưới

ST T	Tên thuốc	ĐVT	Liều dùng – Cách dùng	Số lượng
1	<b>Diosfort 600mg</b> (Diosmin)	Viên	Uống 1 viên x 2 lần/ngày, sau ăn sáng chiều	56
2	<b>Statinagi 20mg</b> (Atorvastatin)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, chiều sau ăn	28
3	<b>Vixcar 75mg</b> (Clopidogrel)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng sau ăn	28
4	<b>Amlodac 5mg</b> (Amlodipin)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng	28
5	<b>Agilosart 50mg</b> (Losartan)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, chiều	28

- ❖ Mã số BN: 17008468 Tuổi: 15
- ❖ Khoa: Nhi Ngày khám bệnh: 24/01/2025
- ❖ Chẩn đoán: Viêm phổi do vi khuẩn, VMDU'

ST T	Tên thuốc	ĐVT	Liều dùng – Cách dùng	Số lượng
1	<b>Klamenti 875/125mg</b> (Amoxicillin + Acid clavulanic)	Viên	Uống 1 viên x 2 lần/ngày	10
2	<b>Zaromax 200mg</b> (Azithromycin)	Gói	Uống 2,5 gói x 1 lần/ngày, khi đói	13
3	<b>Meyerlukast 5mg</b> (Montelukast)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, tối	05
4	<b>Ho Astex</b>	Chai	Uống 7ml x 3 lần/ngày	01

<b>Liều Zaromax 200 (Azithromycin)</b>		
	Ngày đầu tiên	Ngày thứ 2 đến 5
Người lớn	500mg/ngày	250mg/ngày

Liều Diosfort 600mg cho dẫn TM là 1 viên/lần/ngày

- ❖ Mã số BN: 23041592      Tuổi: 43
- ❖ Khoa: Nội      Ngày khám bệnh: 06/01/2025
- ❖ Chẩn đoán: Thoái hóa CS, Đau cơ, GERD, VDD-TT, Đau khớp

ST T	Tên thuốc	ĐVT	Liều dùng – Cách dùng	Số lượng
1	<b>Panalgameffer 500mg</b> (Paracetamol)	Viên	Uống 1 viên x 2 lần/ngày	20
2	<b>Celecoxib 200mg</b> (Celecoxib)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày	07
3	<b>Lucitromyl 4mg</b> (Thiocolchicosid)	Viên	Uống 1 viên x 2 lần/ngày	20
4	<b>Axitan 40mg</b> (Pantoprazol)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày	10

- ❖ Mã số BN: 23107678      Tuổi: 62
- ❖ Khoa: Khám Bệnh      Ngày khám bệnh: 22/01/2025
- ❖ Chẩn đoán: THA, Nhiễm khuẩn tiết niệu

ST T	Tên thuốc	ĐVT	Liều dùng – Cách dùng	Số lượng
1	<b>Klamentein 875/125mg</b> (Amoxicillin + Acid clavulanic)	Viên	Uống 1 viên x 2 lần/ngày, sáng chiều sau ăn	54
2	<b>Kavasdin 5mg</b> (Amlodipin)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng	28

Thời gian kê đơn  
Lucitromyl 4mg  
(Thiocolchicosid) tối đa  
7 ngày

Thời gian kê kháng sinh  
27 ngày?

Mã số BN	Tuổi	Khoa	Ngày khám	Chẩn đoán	Thuốc	Liều dùng	Số lượng
14049212	71	Ngoại	04/12/2024	Viêm khớp vai trái, GERD, Căng cơ quá mức	Celecoxib 200mg	Uống mỗi ngày 1 lần, lần 7 viên	49 viên
15013532	77	Ngoại	20/01/2025	Thoái hóa khớp gối 2 gối	Hyasyn forte (Natri hyaluronat 20mg/2ml)	Tiêm mỗi tuần 1 lần, lần 1 bơm tiêm, tiêm gối phải - trái	07 bơm tiêm
15044804	52	Mắt	19/12/2024	2m khô mắt	Tearbalance Ophthalmic solution 0.1% (Natri hyaluronat)	Nhỏ mắt mỗi ngày 5 lần, lần 1 giọt	05 lọ
21055821	35	Ngoại	13/01/2025	Vảy nến	Trozimed (Calcipotriol 0,005%)	Dùng ngoài mỗi ngày 1 lần, lần 1 tuýp, thoa tay chân	28 tuýp

# Trùng thuốc

Mã số BN	Tuổi	Khoa	Ngày khám	Chẩn đoán	Thuốc	Liều dùng
25005102	17 tháng	Mắt	11/01/2025	MP kyst	Cebest 50mg (Cefpodoxim)	Uống 1 gói x 3 lần/ngày
		Ngoại		Áp xe da, nhọt căng chân T	Klamenti 500/62,5mg (Amoxicillin + Acid clavulanic)	Uống 1 gói x 2 lần/ngày
17166644	59	TMH	04/12/2024	Viêm họng cấp, Viêm mũi vận mạch và VMDU'	Hydrocolacyl (Prednisolon 5mg)	Uống 1 viên x 2 lần/ngày, khi no
					Menison 4mg (Methyl prednisolone)	Uống 1 viên x 2 lần/ngày
21010622	84	Ngoại	05/12/2024	Tăng sản tuyến tiền liệt	Harnal Ocas 0,4mg (Tamsulosin)	Uống 1 viên x 1 lần/ngày
					Alsiful SR 10mg (Alfuzosin)	Uống 1 viên x 1 lần/ngày
16162540	54	Ngoại	16/12/2024	Gãy xương ở đầu thấp và xương quay P, viêm dính gân gấp nIII tay P, GERD	Stadnex 40 Cap (Esomeprazol 40mg)	Uống 1 viên x 1 lần/ngày
		Nội		GERD, VDD-TT	Axitan 40mg (Pantoprazol)	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, trước ăn sáng 30p
24188821	59	TMH	19/12/2024	Viêm mũi xoang cấp, Viêm họng cấp, Viêm mũi vận mạch và VMDU'	SaviFexo 60mg (Fexofenadin)	Uống 1 viên x 2 lần/ngày
					Clanoz 10mg (Loratadin)	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, tối

Omeprazol ức chế chuyển  
hóa Clopidogrel thành  
dạng có hoạt tính →  
giảm tác dụng  
Clopidogrel → tránh  
dùng chung

❖ Mã số BN: 19050339

Tuổi: 59

❖ Khoa: Nội

Ngày khám bệnh: 03/12/2024

❖ Chẩn đoán: BTTM đã PCI T3/2024, Tăng lipid máu hh, Suy tim, Rung nhĩ mạn tính, THA

STT	Tên thuốc	ĐVT	Liều dùng – Cách dùng	Số lượng
1	Vacomez 40mg (Omeprazol)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, tối khi ngủ	28
2	Rotinvast 20mg (Rosuvastatin)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, chiều sau ăn	28
3	Entacron 25mg (Spironolacton)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng	28
4	Vixcar (Clopidogrel 75mg)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng sau ăn	28
5	Aspirin 81mg (Acid acetylsalicylic)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng sau ăn no	28
6	Agicardi 2,5mg (Bisoprolol)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng	28
7	Agilosart 50mg (Losartan)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng	28

Levodopa và Sulpirid đối  
kháng tác dụng → giảm  
tác dụng 2 thuốc → chống  
chỉ định phối hợp

❖ Mã số BN: 10002329

Tuổi: 82

❖ Khoa: Khám Bệnh

Ngày khám bệnh: 05/12/2024

❖ Chẩn đoán: ĐTĐ 2, Parkinson, BTTMCBM, RLLM, Hoa mắt và chóng mặt, Các rối loạn lo âu khác, THA

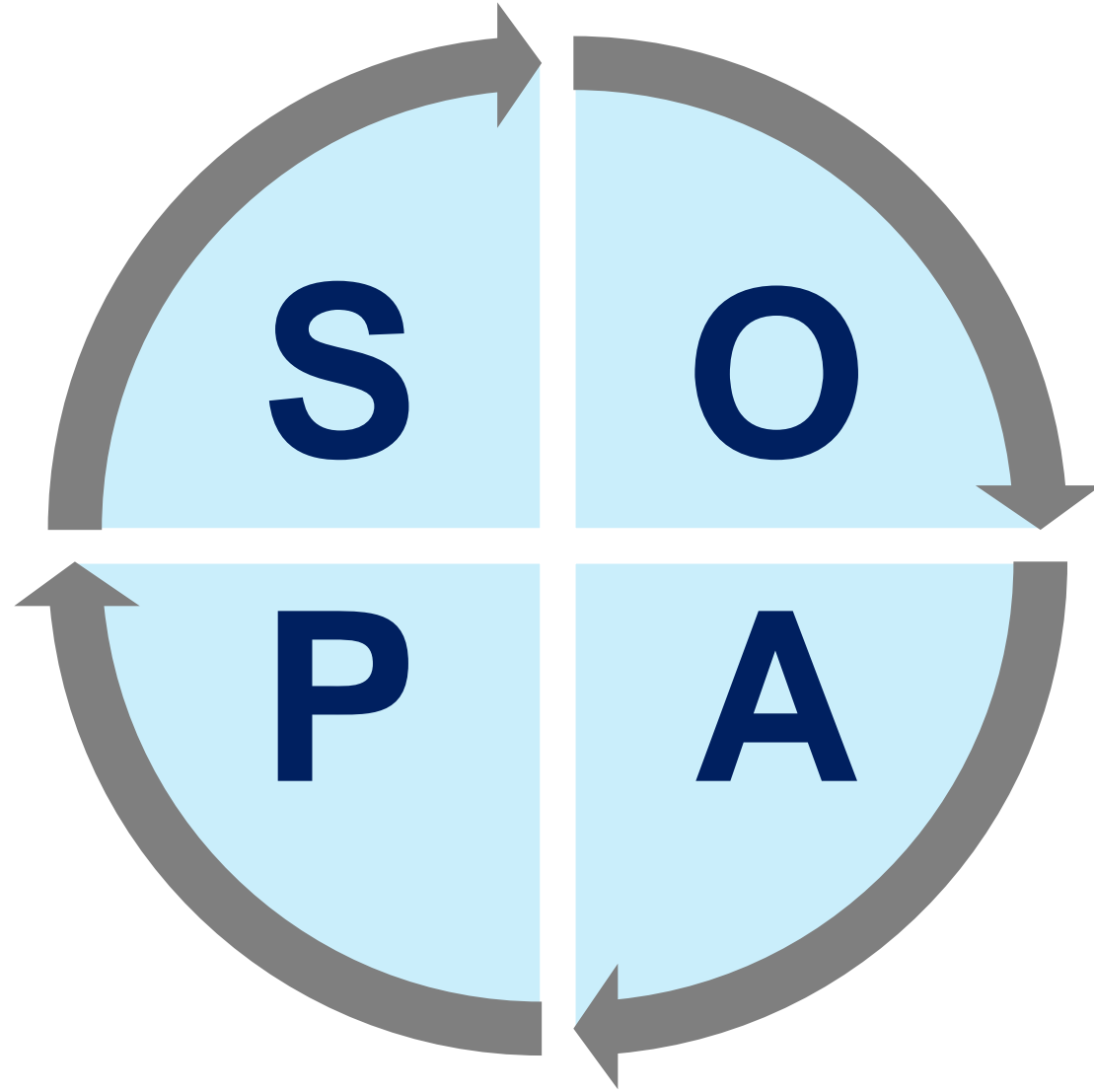
STT	Tên thuốc	ĐVT	Liều dùng – Cách dùng	Số lượng
1	<b>Gludipha 850mg</b> (Metformin)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sau ăn trưa	28
2	<b>Rotinvast 20mg</b> (Rosuvastatin)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, chiều sau ăn	28
3	<b>Agicardi 2,5mg</b> (Bisoprolol)	Viên	Uống 2 viên x 1 lần/ngày	56
4	<b>Agilosart 50mg</b> (Losartan)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng	28
5	<b>Tunadimet</b> (Clopidogrel 75mg)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng sau ăn	28
6	<b>Madopar</b> (Levodopa 200mg + Benserazid 50mg)	Viên	Uống 0,5 viên x 4 lần/ngày, sau ăn	56
7	<b>Pracetam 1200mg</b> (Piracetam)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, sáng sau ăn	14
8	<b>Dogtapine</b> (Sulpirid 50mg)	Viên	Uống 1 viên x 1 lần/ngày, tối trước ngủ 30 phút	28

# Tra cứu tương tác thuốc chống chỉ định

- Quyết định 5948/QĐ-BYT ngày 30/12/2021 về Danh mục tương tác thuốc chống chỉ định trong thực hành lâm sàng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Google sheets (online):  
<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1X1LJN1P1FAs1DkA3ARXewqtphhccgFDM3TrpB6IBnEw/edit?usp=sharing>
- File excel (offline):  
<https://docs.google.com/spreadsheets/d/1voASOVKWeEg8Gpo2SPIlhZFpD0tVbzre/edit?usp=sharing&oid=102391648190102913890&rtpof=true&sd=true>

## **2. Phân tích sử dụng thuốc ca lâm sàng nội trú**





# S – Thông tin chủ quan

- Mã y tế: 7905424015842
- Mã số BN: 17783284
- Họ tên: N.M.L
- Năm sinh: 1993 (31 tuổi)
- Giới tính: Nữ
- Khoa: Phụ Sản
- Ngày nhập viện: 09/12/2024
- Ngày ra viện: 12/12/2024

# S – Thông tin chủ quan

- BN sinh mổ ngày 18/11/2024 (đã từng mổ lấy thai năm 2021)
- Đau vùng vết mổ lấy thai sau mổ lấy thai 21 ngày

# O – Thông tin khách quan

- Vùng vết mổ có khối viêm #4x4cm ½ trái vết mổ
- Khối tụ dịch vùng giữa vết mổ #6x23mm
- CLS ngày 09/12/2024:
  - ✓WBC:  $9,8 \times 10^9/L$  (4- $10 \times 10^9/L$ )
  - ✓LYM:  $2,5 \times 10^9/L$  (0,6- $3,4 \times 10^9/L$ )
  - ✓MONO:  $0,5 \times 10^9/L$  (0- $0,9 \times 10^9/L$ )
  - ✓NEU:  $6,7 \times 10^9/L$  (2- $6,9 \times 10^9/L$ )
  - ✓BASO:  $0,1 \times 10^9/L$  (0- $0,2 \times 10^9/L$ )
  - ✓EOS:  $0,1 \times 10^9/L$  (0- $0,7 \times 10^9/L$ )
  - ✓Phản ứng CRP: 6mg/L (dương tính)

# O – Thông tin khách quan

- Ngày 09/12/2024, BN được chỉ định Tenamyd-ceftazidime 2000 (Ceftazidim 2g) 1 lọ pha 20ml nước cất (TMC)
- Sau khi tiêm Tenamyd-ceftazidime 2000 được 5 phút, BN than buồn nôn, khó thở nhẹ, ngứa nổi mẩn toàn thân, sưng 2 mí mắt

# A – Đánh giá

- Chẩn đoán: Viêm mô tế bào/vết mổ lấy thai, Phản vệ độ II do Ceftazidim

# P – Kế hoạch

- Phác đồ nhiễm khuẩn của bệnh viện (Khoa Phụ Sản):
  - ✓ Nhiễm khuẩn vết mổ nông
    - ❖ Nhiễm trùng vết thương liên quan đến viêm mô tế bào đơn độc có thể được điều trị bằng các thuốc kháng sinh mà không cần dẫn lưu.
    - ❖ Nhiễm khuẩn vết mổ nông: có thể đáp ứng với thoát mủ (ví dụ: bằng loại bỏ chỉ khâu) mà không cần dùng kháng sinh.
    - ❖ Nếu cần điều trị kháng sinh:
      - Flucloxacillin 500 mg uống 1 viên x 4 lần/ngày trong 5 ngày, hoặc
      - Doxycycline 100 mg uống 1 viên x 2 lần/ngày trong 5 ngày nếu dị ứng với Penicillin hoặc có khả năng nhiễm MRSA, và
      - Metronidazole PO 250 mg uống 2 viên x 3 lần/ngày trong 7 ngày.

# P – Kế hoạch

- Phác đồ nhiễm khuẩn của bệnh viện (Khoa Phụ Sản):
  - ✓ Nhiễm khuẩn vết mổ sâu
    - ❖ Nhiễm khuẩn lan rộng vào mô lân cận hoặc có dấu hiệu toàn thân.
    - ❖ Nếu bệnh nhân không có tiền sử nhiễm MRSA hoặc bị đề kháng thuốc:
      - Flucloxacillin IV 1-2g x 4 lần/ngày trong 5-7 ngày (sau đó chuyển sang Flucloxacillin uống 1g x 4 lần/ngày khi đủ tiêu chuẩn uống), và
      - Metronidazole TTM 500 mg: 1 chai x 3 lần/ngày, hoặc
      - Vancomycin TTM 1-2g truyền tĩnh mạch mỗi 12 giờ x 5-7 ngày nếu biết có MRSA.
    - ❖ Trong trường hợp dị ứng với Penicillin:
      - Clindamycin TTM (Dalacin C 300 mg) x 2 lần/ngày trong 7 ngày, và
      - Metronidazole TTM 500 mg 1 chai x 3 lần/ngày trong 7 ngày.



# P – Kế hoạch

- Ngày 09/12: BN được chỉ định Ceftazidim, gặp phản ứng phản vệ với Ceftazidim
- Ngày 10/12: BS ngưng Ceftazidim, thay bằng A.T Tobramycin 80mg 1 ống x 2 lần/ngày (TB)
- Ngày 11/12: DSLS can thiệp, đề xuất phối hợp thêm Clindamycin liều 1,2-4,8g/ngày tùy mức độ nhiễm khuẩn → BS không đồng ý, lý do viêm mô tế bào nhẹ
- Ngày 12/12: BS ngưng A.T Tobramycin, cho BN xuất viện → toa về: Azithromycin 500mg uống 1 viên/ngày x 5 ngày

# Bàn luận

- Nhiễm khuẩn vết mổ thường do tác nhân là vi khuẩn Gram (+) như *Staphylococcus aureus* hoặc *Streptococcus spp.*
- KS nhóm Aminoglycosid (Tobramycin) có phổ kháng khuẩn chủ yếu trên vi khuẩn Gram (-)
- BN dị ứng beta-lactam → Clindamycin có phổ trên Gram (+) là lựa chọn phù hợp

# Một số quy định về kê đơn thuốc

- Thông tư 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế
  - ✓ Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán trong trường hợp chỉ định thuốc phù hợp với chỉ định của một trong các tài liệu sau:
    - a) Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được Bộ Y tế cấp phép;
    - b) Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo hồ sơ đăng ký thuốc của thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu đã được Bộ Y tế cấp phép;
    - c) Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị của Bộ Y tế;
    - d) Dược thư Quốc gia Việt Nam phiên bản mới nhất.

# Một số quy định về kê đơn thuốc

- Quyết định 708/QĐ-BYT ngày 02/3/2015 về việc ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn sử dụng kháng sinh”
- Quyết định 5631/QĐ-BYT ngày 31/12/2020 về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn thực hiện quản lý sử dụng kháng sinh trong bệnh viện”
  - ✓ Kháng sinh ưu tiên quản lý tại bệnh viện
  - ✓ Chuyển đổi kháng sinh từ đường tiêm sang đường uống

# Một số quy định về kê đơn thuốc

- Quyết định 2062/QĐ-BVQTP ngày 28/8/2024 về việc ban hành Quy trình kê đơn, duyệt, cấp phát kháng sinh ưu tiên quản lý
- Quyết định 2019/QĐ-BVQTP ngày 23/8/2024 về việc phê duyệt Hướng dẫn sử dụng kháng sinh dự phòng trong phẫu thuật/thủ thuật tại bệnh viện



**THUỐC LASA**

# LASA

- Look Alike – Sound Alike: nhìn giống nhau – nghe giống nhau  
→ dễ nhầm lẫn trong quá trình sử dụng thuốc (kê đơn, cấp phát, sử dụng,...)
- Danh mục thuốc LASA:
  - ✓ Thuốc nhìn giống nhau
  - ✓ Thuốc đọc giống nhau
  - ✓ Thuốc cùng tên nhưng có nhiều hàm lượng hoặc dạng bào chế

# Thuốc cùng tên nhưng có nhiều hàm lượng hoặc dạng bào chế

- Augmentin 1g <> Augmentin 500mg/62.5 mg
- Co-Diovan 160/25 <> Co-Diovan 80/12,5
- Klacid <> Klacid Forte 500mg <> Klacid MR 500mg
- Symbicort Turbuhaler [60 liều] <> Symbicort Turbuhaler [120 liều]



# Thuốc có tên đọc gần giống nhau

Agicarvir 0,5mg
Agiclari 500 500mg
Agiclovir 400
Agidopa 250mg
Agifuros 40mg
AGILOSART 50 50mg
Agimoti 5mg/5ml
AGIMSTAN 80 80mg
Agirenyl 5.000UI
Agitritine 200
Agi-vitac 500mg

Atifibrate 145 mg
Atileucine inj 500mg/5ml
Atirin 10
Atisalbu 2mg
Atisaltolin 2,5 mg/2,5 ml Atisaltolin 5 mg/2,5 ml
Atithios Inj 20mg/1ml

Meyerator 40
Meyeripin 10
Meyeripin 5
Meyerlukast 5
Meyer-Salazin 500

# Thuốc có tên đọc gần giống nhau

- Basethyrox (Propylthiouracil) <> Berlthyrox (Levothyroxin)
- Duphalac (Lactulose) <> Duphaston (Dydrogesteron)
- Kacerin (Cetirizin) <> Kacetam (Piracetam)
- Kamedazol (Furosemid, Spironolacton) <> Kamydazol (Spiramycin, Metronidazol)
- Midagentin 250/31,25mg <> Midantin 875/125mg